TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **521**/2019/HNGĐ-ST. Ngày: 25/9/2019 V/v tranh chấp: Hôn nhân và gia đình.	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Nguyễn Quốc Đạt**.

-*Các Hội thẩm nhân dân*:

1/. Ông **Nguyễn Hoa Kiều**.

2/. Ông **Trương Hoàng Hoa**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Đỗ Thanh Phong**-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 377/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 122/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Ngọc A**, sinh năm 1999. *(có mặt)*

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1994.*(có mặt)*

Địa chỉ: ấp M1, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1969

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang. *(có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:*

Về tình cảm: Giữa chị và anh Nguyễn Văn B đã tự nguyện chung sống với nhau nhau vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh B thường xuyên nhậu say về nhà bạo hành chị, đã sống ly thân. Nay do không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn B có mặt và trình bày:*

Về tình cảm: Giữa anh và chị Nguyễn Thị Ngọc A đã tự nguyện chung sống với nhau nhau vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đã sống ly thân; nay không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị A.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C trình bày:*

Ông là cha ruột của chị Nguyễn Thị Ngọc A. Khoảng năm 2017 ông có cho anh Nguyễn Văn B mượn 04 chỉ vàng 24 kr; anh B cũng mượn ông chiếc xe mô tô Sirius biển số 63 AD-01781 do ông đứng tên chủ sở hữu để mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân, việc cho mượn tài sản không có làm giấy tờ. Ông không yêu cầu gì trong vụ án xin ly hôn giữa chị A, anh B. Trường hợp có tranh chấp ông sẽ khởi kiện anh B bằng một vụ án dân sự khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về pháp luật tố tụng*: Chị Nguyễn Thị Ngọc A có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn anh Nguyễn Văn B. Anh B có hộ khẩu và địa chỉ thường trú tại xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

[2]*Về quan hệ hôn nhân*: Giữa chị Nguyễn Thị Ngọc A và anh Nguyễn Văn B đã cưới nhau và chung sống từ năm 2017 nhưng không có đăng ký kết hôn. Chị A trình bày trong quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, nay không còn tình cảm nên cương quyết xin ly hôn; anh B cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị A. Xét thấy, mặc dù chị A, anh B có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng lại không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị A, anh B là vợ chồng.

[3]*Về con chung, tài sản chung và nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Ngọc A và anh Nguyễn Văn B trình bày không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C trình bày giữa ông và anh Nguyễn Văn B có quan hệ giao dịch dân sự riêng; trường hợp có tranh chấp sẽ khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác là ý chí hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật của ông C nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về án phí*: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

-Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

-Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1/.*Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận chị Nguyễn Thị Ngọc A và anh Nguyễn Văn B là vợ chồng.

2/.*Án phí*:

Chị Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002738 ngày 02/7/2019 được khấu trừ nên chị không phải nộp tiếp.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị A, anh B, ông C được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Tiền Giang;
-VKSND H.Chợ Gạo;
-Chi cục THADS H. Chợ Gạo;
-UBND xã N;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán-Chủ Tọa Phiên Tòa

(đã ký)

Nguyễn Quốc Đạt